

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2024/HS - ST

Ngày: 16/9/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Huyền;
Ông Nguyễn Công Thái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Yên, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông Đâu Xuân Hà, Kiểm sát viên.

Ngày 16/9/2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 43/2024/TLST- HS, ngày 01/8/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2024/QĐXXST-HS ngày 22/8/2024 đối với bị cáo:

Phạm Thanh T (tên gọi khác: Không có), sinh ngày 25/5/1994 tại tỉnh Thái Nguyên; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm Đ, xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn S, sinh năm 1962 và bà Trần Thị T1, sinh năm 1963; vợ là Triệu Vân A, sinh năm 2002 (đã ly hôn) và có 01 con, sinh năm 2022. Tiền án, tiền sự: Không. Về nhân thân: Ngày 28/9/2020, bị Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng, phạt bổ sung 10.000.000đ (Mười triệu đồng) về tội “Đánh bạc” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 56/2020/HSST, đã được xóa án tích. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/4/2024 cho đến ngày 24/7/2024 thì được thay đổi và áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Lục Quỳnh M, sinh năm 1996, trú tại: Tổ H, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại phiên tòa;

2. Trần Thị T1, sinh năm 1963, trú tại: Xóm Đ, xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt tại phiên tòa;

3. Ông [Hoàng Văn Q](#), sinh năm 1979, trú tại: [thôn L, xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kan](#). Vắng mặt tại phiên tòa;
4. Ông [Hà Văn Ú](#), sinh năm 1985, trú tại: [tổ A, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kan](#). Vắng mặt tại phiên tòa;
5. [Ngô Trung D](#), sinh năm 1966, trú tại: [thôn B, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kan](#). Vắng mặt tại phiên tòa;
6. Ông [Nguyễn Hữu T2](#), sinh năm 1976, trú tại: [tổ F, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kan](#). Vắng mặt tại phiên tòa;
7. Ông [Hà Văn K](#), sinh năm 1974, trú tại: [thôn N, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kan](#). Vắng mặt tại phiên tòa;
8. Ông [Đinh Lâm L](#), sinh năm 1992, trú tại: [thôn N, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kan](#). Vắng mặt tại phiên tòa;
9. Ông [Hà Trung N](#), sinh năm 1986, trú tại: [thôn N, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kan](#). Vắng mặt tại phiên tòa;
10. Ông [Hà Thanh H](#), sinh năm 1983, trú tại: [thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kan](#). Vắng mặt tại phiên tòa;
11. Ông [Ta Thủy G](#), sinh năm 1982, trú tại: [tổ G, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kan](#). Vắng mặt tại phiên tòa;
12. Ông [Ngô Thanh D1](#), sinh năm 1982, trú tại: [thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kan](#). Vắng mặt tại phiên tòa;
13. Ông [Triều Phương T3](#), sinh năm 1987, trú tại: [xóm S, xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên](#). Vắng mặt tại phiên tòa;
14. Ông [Lục Văn N1](#), sinh năm 1985, trú tại: [thôn B, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kan](#). Vắng mặt tại phiên tòa;
15. Ông [Đinh Lâm T4](#), sinh năm 1989, trú tại: [thôn N, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kan](#). Vắng mặt tại phiên tòa;
16. Ông [Ma Văn C](#), sinh năm 1970, trú tại: [thôn T, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kan](#). Vắng mặt tại phiên tòa;
17. Ông [Nông Thành D2](#), sinh năm 1984, trú tại: [thôn C, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kan](#). Vắng mặt tại phiên tòa;
18. Ông [Trần Minh T5](#), sinh năm 1980, trú tại: [thôn S, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kan](#). Vắng mặt tại phiên tòa;
19. Ông [Hà Đức D3](#), sinh năm 1972, trú tại: [thôn S, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kan](#). Vắng mặt tại phiên tòa;
20. Ông [Nguyễn Văn L1](#), sinh năm 1992, trú tại: [xóm B, xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên](#). Vắng mặt tại phiên tòa;

21. Ông [Hoàng Văn Q1](#), sinh năm 1974, trú tại: [thôn B Tết 1, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn](#). Vắng mặt tại phiên tòa;
22. Ông [Trần Thanh T6](#), sinh năm 1974, trú tại: [thôn S, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn](#). Vắng mặt tại phiên tòa;
23. Ông [Triệu Văn K1](#), sinh năm 1976, trú tại: [thôn B, xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên](#). Vắng mặt tại phiên tòa;
24. Ông [Hoàng Văn Đ](#), sinh năm 1996, trú tại: [xóm Đ, xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên](#). Vắng mặt tại phiên tòa;
25. Ông [Mã Văn B](#), sinh năm 1989, trú tại: [thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn](#). Vắng mặt tại phiên tòa;
26. Ông [Nguyễn Văn L2](#), sinh năm 1988, trú tại: [thôn N, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn](#). Vắng mặt tại phiên tòa;
27. Ông [Nguyễn Văn S1](#), sinh năm 1991, trú tại: [thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn](#). Vắng mặt tại phiên tòa;
28. Ông [Luc Văn T7](#), sinh năm 1978, trú tại: [thôn K, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn](#). Vắng mặt tại phiên tòa;
29. Ông [Hà Sỹ K2](#), sinh năm 1981, trú tại: [thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn](#). Vắng mặt tại phiên tòa;
30. Ông [Lê Văn Đ1](#), sinh năm 1982, trú tại: [tổ A, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn](#). Vắng mặt tại phiên tòa;
31. Ông [Triệu Văn T8](#), sinh năm 1980, trú tại: [xóm B, xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên](#). Vắng mặt tại phiên tòa;
32. Ông [Hà Văn M1](#), sinh năm 1989, trú tại: [thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn](#). Vắng mặt tại phiên tòa;
33. Ông [Ngô Đức M2](#), sinh năm 1971, trú tại: [thôn B, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn](#). Vắng mặt tại phiên tòa;
34. Ông [Lương Đình C1](#), sinh năm 1977, trú tại: [xóm S, xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên](#). Vắng mặt tại phiên tòa;
35. Ông [Đặng Văn T9](#), sinh năm 1980, trú tại: [xóm Đ, xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên](#). Vắng mặt tại phiên tòa;
36. Ông [Phùng Văn H1](#), sinh năm 1976, trú tại: [thôn K, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn](#). Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 06/4/2024, [Phòng C4](#) Công an tỉnh nhận được tin báo của quần chúng nhân dân, về việc tại khu vực cổng Cơ sở điều trị Methadone [huyện C thuộc tổ A, thị trấn Đ](#) có 01 đối tượng nam giới điều khiển xe ô tô BKS 47D - 007.27 cho những bệnh nhân điều trị thuốc Methadone tại Cơ sở, vay tiền bằng hình thức cầm cố thẻ điều trị với lãi suất cao. Hồi 08 giờ 15 phút cùng ngày, [Phòng C4](#) phối hợp với [Công an huyện C](#) và chính quyền địa phương tiến hành kiểm tra, lập biên bản đối với [Phạm Thanh T](#) đang ngồi trên xe ô tô BKS 47D - 007.27 đỗ trước cổng Cơ sở điều trị Methadone huyện [Chợ M3](#) và đang thu tiền lãi tiền vay của [Ngô Đức M2](#) ([M2](#) đang điều trị Methadone). Quá trình kiểm tra, lập biên bản đã tiến hành tạm giữ của [T](#) 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone; Số tiền 2.380.000đ (Hai triệu, ba trăm tám mươi nghìn đồng), 06 thẻ điều trị Methadone và 01 xe ô tô BKS 47D - 007.27.

Hồi 08 giờ 45 phút cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở, phương tiện đối với [Phạm Thanh T](#) tại [xóm Đ, xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên](#). Qua khám xét đã tiến hành tạm giữ: 04 quyển sổ bì màu xanh bên trong có chia thành các cột dọc, ngang và 27 tờ giấy kích thước khoảng nửa tờ giấy A4 được đánh mẫu sẵn có ghi thông tin liên quan đến việc cho vay tiền của [T](#); 01 khẩu súng báng gỗ, nòng sắt, có gắn ống giảm thanh, tổng chiều dài súng 96cm; 01 xe mô tô Honda Dream BKS 20E1 - 002.24; 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô, tên chủ xe PHƯƠNG VĂN THANH; số tiền 5.536.000đ (Năm triệu, năm trăm, ba mươi sáu nghìn đồng) và một số tài sản, tài liệu khác.

Tại bản kết luận giám định số 169/KL-KTHS ngày 27/5/2024 của [Phòng C4 Công an tỉnh B](#), kết luận: “Ký tự chữ, số khung; ký tự chữ, số máy xe mô tô biển số đăng ký 20E1-002.24 (mẫu cần giám định) là ký tự chữ, số nguyên thủy đọc được là: Ký tự chữ, số khung: RLHHA0806AY079763 và Ký tự chữ, số máy: HA08E-1379809”. Tại bản kết luận giám định số 223/KL-KTHS ngày 25/6/2024 của [Phòng C4 Công an tỉnh B](#) kết luận: “Đăng ký xe mô tô, xe máy số 005464, tên chủ xe: [Phương Văn T10](#), địa chỉ: [B, Y, P, Thái Nguyên](#); biển số đăng ký: 20E1-002.24, cấp ngày 20/05/2011 gửi đến giám định là do cơ quan có thẩm quyền cấp (bao gồm mẫu in, hình dấu, chữ ký)”.

Trên cơ sở kết quả điều tra xác định được như sau:

1. Đối với hành vi “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” của [Phạm Thanh T](#):

Trong năm 2019, [Phạm Thanh T](#) mua rừng trồng, sau đó thuê người khai thác (chủ yếu là người nghiện ma túy và đang điều trị tại cơ sở cai nghiện [M huyện C](#)). Trong quá trình khai thác, những người được [T](#) thuê thường tạm ứng tiền công, đến khi khai thác xong thì bị âm vào tiền công, nên những người này đã đề nghị [T](#) giữ thẻ điều trị Methadone của họ, một số người đặt vấn đề vay tiền với [T](#) và cầm cố thẻ điều trị [M4](#). Nên sau đó, hàng ngày [T](#) đi qua cơ sở điều trị [M huyện C](#) để đón người đi khai thác rừng và cho họ vay tiền nếu có nhu cầu vay và thu tiền lãi của những người vay trước đó. Đến khoảng đầu năm 2023, [T](#) không

mua rừng để khai thác nữa mà chỉ tập trung thực hiện việc cho vay tiền có tính lãi suất tại Cơ sở điều trị M huyện C vào các buổi sáng hàng ngày. T thỏa thuận với người vay như sau:

Tiền gốc: Phạm Thanh T cho vay tiền từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng. Một số trường hợp là những người quen biết lâu thì T có thể cho vay nhiều hơn, nhưng không quá 4.000.000 đồng. Để vay được tiền, thì người vay phải cầm cố thẻ điều trị Methadone của mình. Thời hạn vay không xác định, khi nào có thì trả.

Tiền lãi: Phạm Thanh T thu 10.000đ/1.000.000đ/1 ngày, thu lãi theo ngày, nếu không có tiền trả ngay thì sẽ cộng dồn vào ngày hôm sau hoặc có nhiều tiền thì trả lãi cho những ngày hôm sau. Đến khi nào người vay trả gốc thì T không thu tiền lãi nữa. Đối với các trường hợp vay tiền trên 2.000.000 đồng, thì T cũng thu lãi là 20.000 đồng/khoản vay/01 ngày. Các trường hợp vay tiền dưới 1.000.000 đồng, thì thu 5.000 đồng/ khoản vay/01 ngày. Việc thu tiền lãi được T ghi chép lại vào các quyển sổ, tờ giấy mà Cơ quan điều tra đã tạm giữ.

Quá trình điều tra có đủ căn cứ xác định, Phạm Thanh T cho 34 người vay tiền với lãi suất dao động từ 5.000 đồng/1.000.000đ/01 ngày đến 10.000 đồng/1.000.000đ/01 ngày, thu lãi theo ngày và tương đương với lãi suất từ 182,5%/01 năm đến 365%/01 năm. Tổng số tiền gốc T đã cho vay là 55.500.000 đồng, số tiền gốc người vay đã trả cho T là 28.000.000 đồng, số tiền gốc người vay chưa trả là 27.500.000 đồng. Tổng số tiền lãi T đã thu được của 34 người vay là 111.155.000 đồng, trong đó tổng số tiền thu lời bất chính là 104.157.727 đồng. Cụ thể việc cho 34 người vay tiền như sau:

1.1. Hoàng Văn Q: Ngày 04/02/2022, Q vay của Phạm Thanh T số tiền 1.000.000 đồng, lãi suất 10.000đ/1.000.000đ/01 ngày, thu lãi theo ngày, tương đương lãi suất 365%/1 năm. Tính đến ngày 30/3/2024, T thu được 7.860.000 đồng tiền lãi trong 786 ngày, thu lời bất chính 7.429.315 đồng. Đến nay Q chưa trả tiền nợ gốc;

1.2. Hà Văn Ú: Ngày 01/10/2022, Ú vay của Phạm Thanh T số tiền 1.000.000 đồng, lãi suất 10.000đ/1.000.000đ/01 ngày, thu lãi theo ngày, tương đương lãi suất 365%/1 năm. Tính đến ngày 14/10/2023, T thu được 5.690.000 đồng tiền lãi trong 569 ngày, thu lời bất chính 5.378.219 đồng. Đến nay Ú chưa trả tiền nợ gốc;

1.3. Ngô Trung D: Ngày 21/10/2022, D vay của Phạm Thanh T số tiền 2.000.000 đồng, lãi suất 20.000đ/2.000.000đ/01 ngày, thu lãi theo ngày, tương đương lãi suất 365%/ 01 năm. Tính đến ngày 04/11/2023, T thu được 6.760.000 đồng tiền lãi trong 338 ngày, thu lời bất chính 6.389.589 đồng. Đến nay D chưa trả tiền nợ gốc;

1.4. Nguyễn Hữu T2: Ngày 29/3/2022, T2 vay của Phạm Thanh T số tiền 3.000.000 đồng, lãi suất 20.000đ/3.000.000đ/01 ngày, thu lãi theo ngày, tương đương lãi suất 243,33%/01 năm. Tính đến ngày 11/11/2023, T thu được

10.960.000 đồng tiền lãi trong 548 ngày, thu lời bất chính 10.059.178 đồng. Đến nay [T2](#) chưa trả tiền nợ gốc;

1.5. [Hà Văn K](#): Ngày 11/8/2022, [K](#) vay của [Phạm Thanh T](#) số tiền 2.000.000 đồng, lãi suất 20.000đ/2.000.000đ/01 ngày, thu lãi theo ngày, tương đương lãi suất 365%/ 01 năm. Tính đến ngày 11/8/2023, [T](#) thu được 7.720.000 đồng tiền lãi trong 386 ngày, thu lời bất chính 7.296.986 đồng. Ngày 28/3/2024, [K](#) đã trả tiền gốc cho [T](#);

1.6. [Đinh Lâm L](#):

- Lần vay thứ nhất: Ngày 18/02/2023, [L](#) vay của [Phạm Thanh T](#) số tiền 1.000.000 đồng, lãi suất 10.000đ/1.000.000đ/01 ngày, thu lãi theo ngày, tương đương lãi suất 365%/ 01 năm. Tính đến ngày 17/9/2023, [T](#) thu được 2.130.000 đồng tiền lãi trong 213 ngày, thu lời bất chính 2.013.288;

- Lần vay thứ hai: Ngày 17/9/2023, [L](#) vay thêm của [Phạm Thanh T](#) số tiền 1.000.000 đồng, lúc này tiền gốc vay là 2.000.000 đồng, lãi suất 20.000đ/2.000.000đ/01 ngày, thu lãi theo ngày, tương đương lãi suất 365%/0 1 năm. Tính đến ngày 16/3/2024, [T](#) thu được 3.640.000 đồng tiền lãi trong 182 ngày, thu lời bất chính 3.440.548 đồng. Đến nay, [L](#) đã trả tiền nợ gốc.

1.7. [Hà Trung N](#): Ngày 13/02/2023, [N](#) vay của [Phạm Thanh T](#) số tiền 1.000.000 đồng, lãi suất 10.000đ/1.000.000đ/01 ngày, thu lãi theo ngày, tương đương lãi suất 365%/ 01 năm. Tính đến ngày 10/7/2023, [T](#) thu được 1.490.000 đồng tiền lãi trong 149 ngày, thu lời bất chính 1.408.356 đồng. Giữa tháng 7/2023, [N](#) đã trả tiền gốc cho [T](#);

1.8. Ông [Hà Thanh H](#):

- Lần vay thứ nhất: Ngày 27/7/2023, [H](#) vay của [Phạm Thanh T](#) số tiền 1.000.000 đồng, lãi suất 10.000đ/1.000.000đ/01 ngày, thu lãi theo ngày, tương đương lãi suất 365%/ 01 năm. Tính đến ngày 20/8/2023, [T](#) thu được 110.000 đồng tiền lãi trong 11 ngày, thu lời bất chính 103.973 đồng. [H](#) đã trả tiền gốc;

- Lần vay thứ hai: Ngày 14/11/2023, ông [H](#) vay của [Phạm Thanh T](#) số tiền 1.000.000 đồng, lãi suất 10.000đ/1.000.000đ/01 ngày, thu lãi theo ngày, tương đương lãi suất 365%/ 01 năm. Tính đến ngày 20/3/2024, [T](#) thu được 1.100.000 đồng tiền lãi trong 111 ngày, thu lời bất chính 1.049.178 đồng. [H](#) đã trả tiền gốc.

1.9. Ông [Tạ Thủy G](#):

- Lần vay thứ nhất: Ngày 07/3/2023, ông [G](#) vay của [Phạm Thanh T](#) số tiền 1.000.000 đồng, lãi suất 10.000đ/1.000.000đ/01 ngày, thu lãi theo ngày, tương đương lãi suất 365%/ 01 năm. Tính đến ngày 16/10/2023, [T](#) thu được 2.500.000 đồng tiền lãi trong 250 ngày, thu lời bất chính 2.363.014 đồng. [G](#) đã trả tiền gốc;

- Lần vay thứ hai: Ngày 25/9/2023, [G](#) vay của [Phạm Thanh T](#) số tiền 2.000.000 đồng, lãi suất 20.000đ/2.000.000đ/01 ngày, thu lãi theo ngày, tương đương lãi suất 365%/ 01 năm. Tính đến ngày 28/01/2024, [T](#) thu được 2.520.000

đồng tiền lãi trong 126 ngày, thu lời bất chính 2.381.918 đồng. Đối với khoản vay này G chưa trả tiền gốc cho T.

1.10. Ngô Thanh D1: Ngày 02/11/2022, D1 vay của Phạm Thanh T số tiền 2.000.000 đồng, lãi suất 20.000đ/2.000.000đ/01 ngày, thu lãi theo ngày, tương đương lãi suất 365%/ 01 năm. Tính đến ngày 13/12/2023, T thu được 8.220.000 đồng tiền lãi trong 411 ngày, thu lời bất chính 7.769.589 đồng. Duyệt chưa trả tiền gốc;

1.11. Triệu Phương Tiến: Ngày 16/02/2023, T3 vay của Phạm Thanh T số tiền 1.000.000 đồng, lãi suất 10.000đ/1.000.000đ/01 ngày, thu lãi theo ngày, tương đương lãi suất 365%/ 01 năm. Tính đến ngày 14/11/2023, T thu được 2.340.000 đồng tiền lãi trong 234 ngày, thu lời bất chính 2.211.781 đồng. T3 đã trả tiền gốc;

1.12. Lục Văn N1: Ngày 16/02/2022, Nam vay của Phạm Thanh T số tiền 4.000.000 đồng, lãi suất 20.000đ/4.000.000đ/01 ngày, thu lãi theo ngày, tương đương lãi suất 182,5%/ 01 năm. Tính đến ngày 05/6/2023, T thu được 9.440.000 đồng tiền lãi trong 472 ngày, thu lời bất chính 8.406.479 đồng. N1 chưa trả tiền gốc;

1.13. Đinh Lâm T4: Ngày 15/11/2021, T4 vay của Phạm Thanh T số tiền 1.000.000 đồng, lãi suất 10.000đ/1.000.000đ/01 ngày, thu lãi theo ngày, tương đương lãi suất 365%/ 01 năm. Tính đến ngày 19/3/2024, T thu được 8.520.000 đồng tiền lãi trong 852 ngày, thu lời bất chính 8.053.151 đồng. T chưa trả tiền gốc;

1.14. Ma Văn C: Ngày 18/10/2022, C vay của Phạm Thanh T số tiền 1.000.000 đồng, lãi suất 10.000đ/1.000.000đ/01 ngày, thu lãi theo ngày, tương đương lãi suất 365%/ 01 năm. Tính đến ngày 03/4/2024, T thu được 4.740.000 đồng tiền lãi trong 474 ngày, thu lời bất chính 4.480.274 đồng. Cương chưa trả tiền gốc;

1.15. Nông Thành D2: Ngày 17/02/2023, D2 vay của Phạm Thanh T số tiền 2.000.000 đồng, lãi suất 20.000đ/2.000.000đ/01 ngày, thu lãi theo ngày, tương đương lãi suất 365%/ 01 năm. Tính đến ngày 16/01/2024, T thu được 4.820.000 đồng tiền lãi trong 241 ngày, thu lời bất chính 4.555.890 đồng. Dưỡng chưa trả tiền gốc;

1.16. Ông Trần Minh T5:

- Lần vay thứ nhất: Ngày 24/3/2023, T5 vay của Phạm Thanh T số tiền 1.000.000 đồng, lãi suất 10.000đ/1.000.000đ/01 ngày, thu lãi theo ngày, tương đương lãi suất 365%/ 01 năm. Tính đến ngày 22/5/2023, T thu được 600.000 đồng tiền lãi trong 60 ngày, thu lời bất chính số tiền 567.123 đồng. T5 đã trả tiền gốc;

- Lần vay thứ hai: Ngày 01/02/2024, T5 vay của Phạm Thanh T số tiền 1.000.000 đồng, lãi suất 10.000đ/1.000.000đ/01 ngày, thu lãi theo ngày, tương

đương lãi suất 365%/ 01 năm. Tính đến ngày 31/3/2024, T thu được 600.000 đồng tiền lãi trong 60 ngày, thu lời bất chính 567.123 đồng. T5 chưa trả tiền gốc.

1.17. Hà Đức D3: Ngày 16/6/2023, D3 vay của Phạm Thanh T số tiền 1.000.000 đồng, lãi suất 10.000đ/1.000.000đ/01 ngày, thu lãi theo ngày, tương đương lãi suất 365%/ 01 năm. Tính đến ngày 25/01/2024, T thu được 2.320.000 đồng tiền lãi trong 232 ngày, thu lời bất chính 2.192.877 đồng. D3 đã trả tiền gốc;

1.18. Nguyễn Văn L1: Ngày 11/8/2023, L1 vay của Phạm Thanh T số tiền 1.500.000 đồng, lãi suất 10.000đ/1.500.000đ/01 ngày, thu lãi theo ngày, tương đương lãi suất 242,3%/ 01 năm. Tính đến ngày 01/3/2024, T thu được 1.690.000 đồng tiền lãi trong 169 ngày, thu lời bất chính 1.551.096 đồng. L1 chưa trả tiền gốc;

1.19. Ông Hoàng Văn Q1:

- Lần vay thứ nhất: Ngày 18/6/2023, Q1 vay của Phạm Thanh T số tiền 1.000.000 đồng, lãi suất 10.000đ/1.000.000đ/01 ngày, thu lãi theo ngày, tương đương lãi suất 365%/ 01 năm. Đến ngày 06/7/2023, Q1 đã trả tiền gốc và trả tiền lãi trong 20 ngày. Số tiền lãi T đã thu là 200.000 đồng, thu lời bất chính 189.041 đồng;

- Lần vay thứ hai: Ngày 14/8/2023, ông Q1 vay của Phạm Thanh T số tiền 1.000.000 đồng, lãi suất 10.000đ/1.000.000đ/01 ngày, thu lãi theo ngày, tương đương lãi suất 365%/ 01 năm. Đến ngày 07/9/2023, Q1 đã trả tiền gốc và trả tiền lãi trong 25 ngày. Số tiền lãi T đã thu là 250.000 đồng, thu lời bất chính 236.301 đồng;

- Lần vay thứ ba: Ngày 11/9/2023, Q1 vay của Phạm Thanh T số tiền 1.500.000 đồng, lãi suất 10.000đ/1.500.000đ/01 ngày, thu lãi theo ngày, tương đương lãi suất 243,3%/ 01 năm. Đến ngày 28/12/2023, Q1 đã trả tiền gốc và trả tiền lãi trong 109 ngày. Số tiền lãi T đã thu là 1.090.000 đồng, thu lời bất chính 1.000.411 đồng;

- Lần vay thứ tư: Ngày 24/02/2024, Q1 vay của Phạm Thanh T số tiền 1.000.000 đồng, lãi suất 10.000đ/1.000.000đ/01 ngày, thu lãi theo ngày, tương đương lãi suất 365%/ 01 năm. Đến ngày 31/3/2024, Q1 đã trả tiền gốc và trả tiền lãi trong 39 ngày. Số tiền lãi T đã thu là 390.000 đồng, thu lời bất chính 368.630 đồng.

1.20. Trần Thanh T6: Ngày 28/8/2023, T6 vay của Phạm Thanh T số tiền 2.500.000 đồng, lãi suất 20.000đ/2.500.000đ/01 ngày, thu lãi theo ngày, tương đương lãi suất 292%/ 01 năm. Tính đến ngày 07/01/2024, T thu được 2.380.000 đồng tiền lãi trong 119 ngày, thu lời bất chính 2.216.986 đồng. T6 đã trả tiền gốc;

1.21. Triều Văn K1: Ngày 27/02/2023, K1 vay của Phạm Thanh T số tiền 1.000.000 đồng, lãi suất 10.000đ/1.000.000đ/01 ngày, thu lãi theo ngày, tương đương lãi suất 365%/ 01 năm. Tính đến ngày 30/11/2023, T thu được 2.920.000

đồng tiền lãi trong 292 ngày, thu lời bất chính 2.760.000 đồng. [K1](#) chưa trả tiền gốc;

1.22. [Hoàng Văn Đ](#): Ngày 15/7/2023, [Đ](#) vay của [Phạm Thanh T](#) số tiền 500.00 đồng, lãi suất 5.000đ/500.000đ/01 ngày, thu lãi theo ngày, tương đương lãi suất 365%/ 01 năm. Tính đến ngày 08/3/2024, [T](#) thu được 1.195.000 đồng tiền lãi trong 239 ngày, thu lời bất chính 1.129.521 đồng. [Đ](#) chưa trả tiền gốc;

1.23. [Mã Văn B](#): Ngày 10/10/2023, [B](#) vay của [Phạm Thanh T](#) số tiền 1.000.000 đồng, lãi suất 10.000đ/1.000.000đ/01 ngày, thu lãi theo ngày, tương đương lãi suất 365%/ 01 năm. Tính đến ngày 26/3/2024, [T](#) thu được 1.700.000 đồng tiền lãi trong 170 ngày, thu lời bất chính 1.606.849 đồng. [B](#) chưa trả tiền gốc;

1.24. Ông [Nguyễn Văn L2](#):

- Lần vay thứ nhất: Ngày 01/4/2023, [L2](#) vay của [Phạm Thanh T](#) số tiền 1.000.000 đồng, lãi suất 10.000đ/1.000.000đ/01 ngày, thu lãi theo ngày, tương đương lãi suất 365%/ 01 năm. Tính đến ngày 30/6/2023, [T](#) thu được 910.000 đồng tiền lãi trong 91 ngày, thu lời bất chính 860.137 đồng. [L2](#) đã trả tiền gốc;

- Lần vay thứ hai: Ngày 04/12/2023, [L2](#) vay của [Phạm Thanh T](#) số tiền 1.000.000 đồng, lãi suất 10.000đ/1.000.000đ/01 ngày, thu lãi theo ngày, tương đương lãi suất 365%/ 01 năm. Tính đến ngày 13/12/2023, [T](#) thu được 100.000 đồng tiền lãi trong 10 ngày, thu lời bất chính 94.512 đồng. [L2](#) đã trả tiền gốc.

1.25. [Nguyễn Văn S1](#): Ngày 05/02/2023, [S1](#) vay của [Phạm Thanh T](#) số tiền 1.000.000 đồng, lãi suất 10.000đ/1.000.000đ/01 ngày, thu lãi theo ngày, tương đương lãi suất 365%/ 01 năm. Tính đến ngày 12/7/2023, [T](#) thu được 1.610.000 đồng tiền lãi trong 161 ngày, thu lời bất chính 1.521.781 đồng. [S1](#) đã trả tiền gốc;

1.26. [Lục Văn T7](#): Ngày 29/02/2024, [T7](#) vay của [Phạm Thanh T](#) số tiền 1.000.000 đồng, lãi suất 10.000đ/1.000.000đ/01 ngày, thu lãi theo ngày, tương đương lãi suất 365%/ 01 năm. Tính đến ngày 27/3/2024, [T](#) thu được 290.000 đồng tiền lãi trong 29 ngày, thu lời bất chính 274.110 đồng. [T7](#) chưa trả tiền gốc;

1.27. [Hà Sỹ K2](#): Ngày 02/7/2023, [K2](#) vay của [Phạm Thanh T](#) số tiền 1.000.000 đồng, lãi suất 10.000đ/1.000.000đ/01 ngày, thu lãi theo ngày, tương đương lãi suất 365%/ 01 năm. Tính đến ngày 07/8/2023, [T](#) thu được 370.000 đồng tiền lãi trong 37 ngày, thu lời bất chính 349.726 đồng. [K2](#) đã trả tiền gốc;

1.28. [Lê Văn Đ1](#): Ngày 25/11/2023, [Đ1](#) vay của [Phạm Thanh T](#) số tiền 1.000.000 đồng, lãi suất 10.000đ/1.000.000đ/01 ngày, thu lãi theo ngày, tương đương lãi suất 365%/ 01 năm. Tính đến ngày 07/12/2023, [T](#) thu được 140.000 đồng tiền lãi trong 14 ngày, thu lời bất chính 132.329 đồng. [Đ1](#) đã trả tiền gốc;

1.29. Ông [Triệu Văn T8](#):

- Lần vay thứ nhất: Ngày 15/7/2023, [T8](#) vay của [Phạm Thanh T](#) số tiền 500.000 đồng, với thỏa thuận lãi suất 5.000đ/500.000đ/01 ngày, thu lãi theo ngày, tương đương lãi suất 365%/ 01 năm. Tính đến ngày 03/8/2023, [T](#) thu được 100.000 đồng tiền lãi trong 20 ngày, thu lời bất chính 94.521 đồng. [T8](#) đã trả tiền gốc;

- Lần vay thứ hai: Ngày 04/11/2023, [T8](#) vay của [Phạm Thanh T](#) số tiền 1.000.000 đồng, với thỏa thuận lãi suất 10.000đ/1.000.000đ/01 ngày, thu lãi theo ngày, tương đương lãi suất 365%/ 01 năm. Tính đến ngày 03/12/2023, [T](#) thu được 300.000 đồng tiền lãi trong 30 ngày, thu lời bất chính 283.562 đồng. [T8](#) đã trả tiền gốc;

1.30. [Hà Văn M1](#): Ngày 23/02/2024, [M1](#) vay của [Phạm Thanh T](#) số tiền 1.000.000 đồng, lãi suất 10.000đ/1.000.000đ/01 ngày, thu lãi theo ngày, tương đương lãi suất 365%/ 01 năm. Tính đến ngày 30/3/2024, [T](#) thu được 380.000 đồng tiền lãi trong 38 ngày, thu lời bất chính 359.178 đồng. Miền chưa trả tiền gốc;

1.31. Ông [Ngô Đức M2](#):

- Lần vay thứ nhất: Ngày 23/12/2023, [M2](#) vay của [Phạm Thanh T](#) số tiền 1.000.000 đồng, lãi suất 10.000đ/1.000.000đ/01 ngày, thu lãi theo ngày, tương đương lãi suất 365%/ 01 năm. Tính đến ngày 02/01/2024, [T](#) thu được 100.000 đồng tiền lãi trong 10 ngày, thu lời bất chính 94.521 đồng. [M2](#) đã trả tiền gốc;

- Lần vay thứ hai: Ngày 04/3/2024, [M2](#) vay của [Phạm Thanh T](#) số tiền 1.000.000 đồng, với thỏa thuận lãi suất 10.000đ/1.000.000đ/01 ngày, thu lãi theo ngày, tương đương lãi suất 365%/ 01 năm. Tính đến ngày 13/3/2024, [T](#) thu được 100.000 đồng tiền lãi trong 10 ngày, thu lời bất chính 94.521 đồng. [M2](#) đã trả tiền gốc.

1.32. [Lường Đình C1](#): Ngày 01/10/2023, [C1](#) vay của [Phạm Thanh T](#) số tiền 1.000.000 đồng, với thỏa thuận lãi suất 10.000đ/1.000.000đ/01 ngày, thu lãi theo ngày, tương đương lãi suất 365%/ 01 năm. Tính đến ngày 17/11/2023, [T](#) thu được 480.000 đồng tiền lãi trong 48 ngày, thu lời bất chính số tiền 453.966 đồng. [C1](#) còn nợ tiền gốc 500.000 đồng.

1.33. [Đặng Văn T9](#): Ngày 01/10/2023, [T9](#) vay của [Phạm Thanh T](#) số tiền 1.000.000 đồng, lãi suất 10.000đ/1.000.000đ/01 ngày, thu lãi theo ngày, tương đương lãi suất 365%/ 01 năm. Tính đến ngày 29/11/2023, [T](#) thu được 280.000 đồng tiền lãi trong 28 ngày, thu lời bất chính 264.658 đồng. Tín chưa trả tiền gốc;

1.34. [Phùng Văn H1](#): Ngày 03/12/2023, [H1](#) vay của [Phạm Thanh T](#) số tiền 1.000.000 đồng, lãi suất 10.000đ/1.000.000đ/01 ngày, thu lãi theo ngày, tương đương lãi suất 365%/ 01 năm. Tính đến ngày 12/12/2023, [T](#) thu được 100.000 đồng tiền lãi trong 10 ngày, thu lời bất chính 94.521 đồng. [H1](#) đã trả tiền gốc.

2. Đối với hành vi “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”:

Buổi trưa cách ngày 06/4/2024 khoảng 10 ngày, khi [Phạm Thanh T](#) đang đi chăn thả dê tại khu vực đỉnh núi đá thuộc [xóm S, xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên](#), cách nhà [T](#) khoảng 02 Km, thì [T](#) phát hiện 01 vật dài, được quấn bằng vải đặt trong khe đá. Do tò mò, nên [T](#) lấy và mở ra xem, thì thấy quần bên trong vải là 01 khẩu súng, nhưng không biết là súng gì và trong súng không có đạn. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, thì [T](#) đuổi dê về và đồng thời cầm theo khẩu súng trên về nhà. Khi gần về đến nhà, thì [T](#) tháo mảnh vải quần khẩu súng ra khỏi khẩu súng và vứt đi, còn khẩu súng thì [T](#) mang vào trong nhà cất trong tủ đựng quần áo tại phòng ngủ của [T](#). Việc [T](#) nhặt được khẩu súng và cất giữ trong nhà, thì ngoài [T](#) ra không còn có ai khác biết, mục đích [T](#) cầm khẩu súng trên về nhà là để cất giữ và sau đó bị phát hiện, thu giữ khi Cơ quan Cảnh sát điều tra [Công an tỉnh B](#) khám xét vào ngày 06/4/2024.

Tại bản kết luận giám định số 3439/KL-KTHS ngày 20/5/2024 của [V1 Bộ C5](#) kết luận: “01 (một) khẩu súng được niêm phong ký hiệu P4 gửi giám định nguyên là súng trường bắn đạn cỡ 5,6mm nhưng đã bị cắt nòng, tạo ren xoáy, lắp ống giảm thanh. Hiện khẩu súng còn sử dụng bắn được, thuộc vũ khí quân dụng”.

Quá trình điều tra, truy tố bị cáo [Phạm Thanh T](#) đều thành khẩn khai nhận hành vi của bản thân. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với kết quả kiểm tra số sách, tài liệu thu giữ liên quan đến hoạt động cho vay tiền của [T](#), lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, kết luận giám định và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại Bản cáo trạng số: 40/CT-VKSBK-P1 ngày 31/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn đã truy tố [Phạm Thanh T](#) về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” theo quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật hình sự (BLHS) và tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 BLHS.

Điều 201 BLHS quy định:

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

2. Phạm tội mà thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm.

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.”

Điều 304 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào... tàng trữ... trái phép vũ khí quân dụng, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 07 năm;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt quản chế hoặc cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm”.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo như bản Cáo trạng, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Xử phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù về tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*" theo quy định tại khoản 2 Điều 201 BLHS; 12 đến 18 tháng tù về tội "*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*" theo quy định tại khoản 1 Điều 304 BLHS. Không phạt bổ sung về cả hai tội. Về biện pháp tư pháp: Tịch thu, sung ngân sách Nhà nước đối với số tiền gốc của các khoản vay. Về vật chứng: Tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án các giấy tờ tài liệu liên quan đến hành vi cho vay lãi nặng. Tạm giữ chiếc xe ô tô tải van, BKS 47D-007.27, cùng các giấy tờ xe; 02 điện thoại iPhone; số tiền 7.916.000 đồng để đảm bảo thi hành án cho bị cáo. Trả lại cho bị cáo 01 căn cước công dân; 01 (một) thẻ [ngân hàng B1](#). Tịch thu, tiêu hủy 01 khẩu súng trường và các vật chứng không có giá trị. Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn truy tố bị cáo về tội danh và điều luật là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan. Bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án và căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có căn cứ để khẳng định:

Trong khoảng thời gian từ năm 2021 đến tháng 12/2023, trong thời gian cư trú và làm việc tại địa bàn [huyện C, tỉnh Bắc Kạn](#), [Phạm Thanh T](#) đã có hành vi cho 34 người vay tổng số tiền 55.500.000đ (năm mươi năm triệu, năm trăm nghìn đồng) với lãi suất từ 182,5%/01 năm đến 365%/01 năm, cao gấp trên 05 lần trở

lên mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự. Tổng số tiền lãi [T](#) đã thu được là 111.155.000đ (một trăm mười một triệu, một trăm năm mươi năm nghìn đồng), trong đó số tiền thu lợi bất chính là 104.157.727đ (một trăm linh tư triệu, một trăm năm bảy nghìn, bảy trăm hai bảy đồng).

Ngoài ra, [Phạm Thanh T](#) còn có hành vi tàng trữ trái phép 01 (một) khẩu súng báng gỗ, nòng sắt, trên nòng súng có gắn ống giảm thanh, tổng chiều dài súng 96 cm. Tại bản kết luận giám định số 3439/KL-KTHS ngày 20/5/2024 của [V1 Bô C5](#) kết luận: “01 (một) khẩu súng được niêm phong ký hiệu P4 gửi giám định nguyên là súng trường bắn đạn cỡ 5,6mm nhưng đã bị cắt nòng, tạo ren xoáy, lắp ống giảm thanh. Hiện khẩu súng còn sử dụng bắn được, thuộc vũ khí quân dụng”.

Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 BLHS và tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” theo quy định tại khoản 1 Điều 304 BLHS. Việc cáo trạng truy tố đối với bị cáo, là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm pháp luật, đã xâm phạm trực tiếp đến các quy định của Nhà nước về trật tự quản lý kinh tế và hoạt động cho vay tín dụng, gây mất trật tự an toàn xã hội, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương. Do đó, cần xử lý nghiêm mới đủ sức răn đe và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo:

Bị cáo không có tiền án, tiền sự, nhưng có nhân thân xấu. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, bị cáo đã tự nguyện trả lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính cho những người đi vay và được những người đi vay xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS, đó là “Tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả”, “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”. Ngoài ra, bị cáo có ông ngoại là Liệt sĩ [Trần Văn M5](#) đã hy sinh trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, được tặng thưởng Huân chương chiến công giải phóng hạng ba; bố đẻ của bị cáo là ông [Phạm Văn S](#) đang hưởng chế độ thờ cúng liệt sĩ; mẹ đẻ của bị cáo là người khuyết tật đặc biệt nặng, hiện nay bị cáo là người trực tiếp chăm sóc và đang được hưởng chế độ trợ cấp chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng. Do đó, bị cáo còn được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Căn cứ vào các quy định của BLHS, sau khi cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, HĐXX xét thấy: Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đầy đủ

năng lực trách nhiệm hình sự, biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện, bị cáo có nhân thân xấu, cùng lúc phạm hai tội, trong đó có một tội ít nghiêm trọng và một tội nghiêm trọng. Do đó, cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đảm bảo răn đe và giáo dục bị cáo. Tuy nhiên, hiện nay bị cáo đã ly hôn vợ, bị cáo là lao động chính trong gia đình, hiện đang trực tiếp nuôi dưỡng con nhỏ sinh năm 2022 và chăm sóc mẹ bị cáo là người bị khuyết tật nặng. Vì vậy, khi quyết định hình phạt, HĐXX sẽ cân nhắc đến hoàn cảnh gia đình bị cáo để có mức án phù hợp, thể hiện được tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật Nhà nước ta.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, đối với tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, động cơ mục đích phạm tội của bị cáo nhằm thu lợi bất chính. Do vậy, cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án đều không đề nghị giải quyết, do vậy HĐXX không xem xét.

[7] Về biện pháp tư pháp: Đối với số tiền gốc của khoản vay, xác định đây là phương tiện phạm tội nên cần tịch thu, sung vào Ngân sách Nhà nước. Do đó, khoản tiền gốc đã được người vay tiền trả cho bị cáo, thì bị cáo phải nộp, khoản tiền gốc chưa trả thì người vay phải nộp.

Đối với khoản tiền thu lợi bất chính, cần buộc bị cáo có trách nhiệm trả lại cho người vay tiền. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, bị cáo đã tự nguyện trả lại số tiền thu lợi bất chính cho những người liên quan, những người này đều đã có văn bản xác nhận và không yêu cầu bị cáo phải trả thêm và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, HĐXX không xem xét.

Đối với khoản tiền lãi 20% là 6.997.273 đồng, là khoản tiền phát sinh từ hành vi phạm tội, cần buộc bị cáo có trách nhiệm nộp vào ngân sách Nhà nước.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Đối với các giấy tờ, tài liệu liên quan đến hành vi cho vay của bị cáo, hiện đang lưu theo hồ sơ vụ án, cần tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án.

- Đối với 01 xe ô tô tải van, BKS 47D-007.27, kèm theo giấy tờ xe; 02 điện thoại di động iPhone; số tiền 7.916.000 đồng, xác định thuộc quyền sở hữu của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội. Tuy nhiên, cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

- Đối với 01 căn cước công dân và 01 thẻ ngân hàng BIDV của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả lại cho bị cáo.

- Đối với 01 khẩu súng trường, là vũ khí quân dụng, hiện còn sử dụng bán được, xác định có giá trị sử dụng. Xét thấy, cần tịch thu và bàn giao cho [Bộ chỉ huy quân sự tỉnh B](#) xử lý theo quy định.

- Đối với các vật chứng khác, không có giá trị, cần tịch thu tiêu hủy.

[9] Các nội dung khác của vụ án:

9.1 Trong khoảng thời gian từ năm 2019 đến ngày 24/3/2023, [Phạm Thanh T](#) còn cho nhiều người dân khác vay tiền như ông [Hà Văn Ú](#), [Ngô Trung D](#), [Nguyễn Hữu T2](#), [Phùng Văn H1](#), [Hà Văn K](#), [Lục Văn T7](#), [Đặng Văn T9](#), [Đinh Lâm L](#), [Hà Trung N](#), [Hà Thanh H](#), [Ta Thủy G](#), [Ngô Thanh D1](#), [Triệu Phương T3](#)... Tuy nhiên, những người vay này đã trả gốc và lãi cho [T](#), căn cứ quy định của pháp luật và Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP, ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, về việc Hướng dẫn áp dụng Điều 201 BLHS thì các khoản vay trên đều đã kết thúc, tiền lãi thu được dưới 30.000.000 đồng và hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính. Do đó, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý về các khoản vay này là đúng;

9.2 Đối với việc [Phạm Thanh T](#) cho những người sau đây vay tiền:

[Nguyễn Văn T11](#), trú tại [xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kan](#) vay tiền 02 lần, cụ thể: Lần 1: Ngày vay 07/10/2021, số tiền vay: 1.000.000 đồng, với lãi suất 10.000đ/01 ngày, không tính lãi. Ông [T11](#) đã trả nợ gốc cho [T](#); Lần 2: 1.000.000 đồng, lãi suất: 10.000đ/ 01 ngày, ngày bắt đầu vay là 05/02/2023, ngày nộp tiền cuối cùng 08/6/2023, số ngày thu tiền là 125 ngày; số tiền đã thu 1.250.000 đồng. Trong đó, số tiền được hưởng hợp pháp là 68.493 đồng và số tiền thu lợi bất chính là 1.181.507 đồng.

Ngày 06/12/2023, ông [Nguyễn Thành L3](#), sinh năm 1979, trú tại [tổ B, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kan](#) vay của [Phạm Thanh T](#) số tiền 1.000.000 đồng, lãi suất 10.000đ/1.000.000đ/1 ngày, thu lãi theo ngày, tương đương lãi suất 365%/01 năm. Tính đến ngày 19/01/2024, [T](#) thu được 450.000 đồng tiền lãi trong 45 ngày, thu lợi bất chính số tiền 425.342 đồng. [L3](#) đã trả tiền gốc.

[Nguyễn Thị H2](#), trú tại [xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên](#) vay tiền nhiều lần, cụ thể: Lần 1: Không xác định ngày vay, trong năm 2019, số tiền vay 5.000.000 đồng, lãi suất 20.000đ/1 ngày. Tổng số ngày thu lãi 22 ngày. Tổng tiền lãi đã thu là 440.000 đồng, thu lợi bất chính 379.726 đồng; Lần 2: Ngày vay 27/10/2019, số tiền vay 6.000.000 đồng, lãi suất 20.000đ/01 ngày, ngày nộp lãi cuối cùng 16/11/2019, số ngày thu lãi 21 ngày, tiền lãi đã thu là 420.000 đồng, thu lợi bất chính 350.959 đồng.

Cho người đàn ông tên [T12](#), trú tại [xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên](#) vay số tiền 1.000.000 đồng, không xác định ngày vay, không thu lãi. Cho người đàn ông tên [N2](#), sinh năm 1977, trú tại [xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên](#) vay số tiền 5.000.000 đồng từ năm 2019.

Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, kết quả: Tại [xã T](#) không có người tên [Nguyễn Văn T11](#) như trong sổ bị cáo đã ghi chép cho vay. Đối với [Nguyễn Thành L3](#), [Nguyễn Thị H2](#) hiện tại không có mặt tại địa phương, không biết đi đâu, làm gì. Đối với 02 người vay tên [T12](#), [N2](#) (Không rõ họ, tên đệm cụ thể) tại

[xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên](#). Hiện nay, ngoài lời trình bày của [Phạm Thanh T](#) và nội dung còn ghi trong sổ, thì không có tài liệu khác thể hiện về nội dung này. Do đó, Cơ quan điều tra không đủ căn cứ để điều tra xử lý đối với [Phạm Thanh T](#) về việc cho những người nêu trên vay tiền là có căn cứ.

9.3 Đối với 01 giấy vay tiền đã bị rách, nhàu, nát, đề ngày 23/4/2018, người vay [Lương Thị V](#), trú tại [tổ G, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bắc Kan](#); người cho vay [Bàn Thị N3](#), số tiền vay 20.000.000đ (*hai mươi triệu đồng*) thu giữ của [Phạm Thanh T](#). Qua điều tra [T](#) khai không nhớ nguồn gốc cũng như nội dung trong giấy vay tiền trên. Tiến hành xác minh tại [thị trấn Đ, huyện C](#) có người tên [Lương Thị V](#), sinh ngày 02/8/1971. Tuy nhiên, hiện tại [V](#) không có mặt tại địa phương. Do đó, Cơ quan điều tra chuyển giấy vay tiền trên đến [Phòng C4 Công an tỉnh B](#) để tiếp tục xác minh, giải quyết là đúng quy định.

9.4 Đối với 01 xe mô tô BKS 20E1- 002.24 tạm giữ của [Phạm Thanh T](#), qua điều tra [T](#) khai nhận: [T](#) mua chiếc xe này trong khoảng thời gian năm 2017 hoặc 2018, tại quán bán xe máy cũ thuộc [thị trấn Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên](#) với số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng), khi mua không làm giấy tờ mua bán, để đi lại và được chủ cửa hàng đưa cho 01 Đăng ký xe mô tô, xe máy số 005464. Hiện nay, [T](#) không nhớ địa chỉ nơi đã mua chiếc xe, không nhớ mặt người đã bán chiếc xe cho mình. Cơ quan điều tra đã tiến hành việc trưng cầu giám định, xác minh chiếc xe trên theo số khung, số máy thì thuộc sở hữu của ông [Nông Trường T13](#), sinh năm 1959, trú tại [thôn C, xã Đ, huyện N, tỉnh Bắc Kan](#) và có BKS 97F8 – 9601 và đến khoảng tháng 12/2017 thì ông bị mất trộm chiếc xe trên. Đối với BKS 20E1- 002.24, qua điều tra xác định chiếc biển này là của chiếc xe mô tô nhãn hiệu WAZE HUNDA của ông [Phương Văn T10](#), sinh năm 1977, trú tại [xóm B, xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên](#). Tuy nhiên, đến năm 2017 thì ông [T10](#) đã bán cho một người đàn ông, không rõ tên tuổi, địa chỉ, tại [huyện P](#). Qua điều tra xác định, khi mua [T](#) không biết rõ nguồn gốc của chiếc xe trên và vẫn sử dụng cho đến khi bị tạm giữ. Do đó, không đủ căn cứ xác định [T](#) là người đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, cũng như tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Sau khi phát hiện bị mất trộm chiếc xe mô tô trên thì ông [Nông Trường T13](#) cũng đã trình báo đến [Công an xã Đ, huyện N](#) để xem xét giải quyết. Nên Cơ quan điều tra đã chuyển chiếc xe mô tô trên, cùng giấy đăng ký và biển kiểm soát đến [Phòng C4 Công an tỉnh B](#) để trao đổi, thống nhất với [Công an huyện N](#) giải quyết theo quy định của pháp luật là phù hợp.

9.5 Đối với ông [Phạm Văn S](#), bà [Trần Thị T1](#) (là bố, mẹ đẻ của [Phạm Thanh T](#)) và [Lục Quỳnh M](#) (là người yêu của [T](#) và đang mang thai nên [M](#) đến ở, sinh sống tại nhà [T](#) từ tháng 02/2024 đến tháng 05/2024 và cũng là người đồng sở hữu, đưa tiền để [T](#) mua chiếc xe ô tô đang tạm giữ). Qua điều tra xác định ông [S](#), bà [T1](#) và chị [M](#) không liên quan đến hành vi phạm tội của [T](#) nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là có căn cứ.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo [Phạm Thanh T](#) phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” và tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”.

Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo [Phạm Thanh T](#) 06 (S2) tháng tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo [Phạm Thanh T](#) 12 (Mười hai) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự. Tổng hợp hình phạt của hai tội là 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ thời gian đã tạm giam từ ngày 07/4/2024 đến ngày 24/7/2024.

Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Phạt tiền bị cáo [Phạm Thanh T](#) 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

2. Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46 Bộ luật Hình sự.

2.1 Buộc bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp lại sung vào ngân sách Nhà nước số tiền gốc của các khoản vay, cụ thể:

- Bị cáo [Phạm Thanh T](#) phải nộp số tiền 28.000.000đ (Hai mươi tám triệu đồng);

- [Hoàng Văn Q](#) nộp số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng); [Hà Văn Ú](#) nộp số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng); [Ngô Trung D](#) nộp số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng); [Nguyễn Hữu T2](#) nộp số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng); [Ta Thủy G](#) nộp số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng); [Ngô Thanh D1](#) nộp số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng); [Luc Văn N1](#) nộp số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng); [Đinh Lâm T4](#) nộp số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng); [Ma Văn C](#) nộp số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng); [Nông Thành D2](#) nộp số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng); [Trần Minh T5](#) nộp số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng); [Nguyễn Văn L1](#) nộp số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng); [Triệu Văn K1](#) nộp số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng); [Hoàng Văn Đ](#) nộp số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng); [Mã Văn B](#) nộp số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng); [Luc Văn T7](#) nộp số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng); [Hà Văn M1](#) nộp số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng); [Lương Đình C1](#) nộp số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng); [Đặng Văn T9](#) nộp số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng).

2.2 Buộc bị cáo nộp sung vào ngân sách Nhà nước số tiền lãi suất 20% theo mức quy định là 6.997.273 (Sáu triệu, chín trăm chín mươi bảy nghìn, hai trăm bảy mươi ba đồng).

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

3.1 Tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo [Phạm Thanh T](#):

- 01 (một) xe ô tô loại xe tải van, nhãn hiệu SSANGYONG; số loại KORANDO602EL; màu sơn: Đen; Biển kiểm soát: 47D-007.27; số máy: 66291010100082; số khung: KPALE4M814P214664; Dung tích xi lanh 2874 cm³; Năm sản xuất 2003. Kèm theo xe là 01 (một) Chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 035203, tên chủ xe: [Lê Tấn C2](#), địa chỉ: [TDP I, P, K, Đắc Lắc](#), cấp ngày 22/05/2018, biển số đăng ký: 47D-007.27; 01 (một) Giấy chứng nhận kiểm định số: 0810632, phương tiện biển đăng ký: 47D-007.27, cấp ngày 22/12/2023, đơn vị kiểm định: [Trung tâm Đ2, tỉnh Thái Nguyên](#); 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện xe ô tô, chủ xe: [Lê Tấn C3](#), nơi cấp: [Công ty B2](#);

- 01 (một) điện thoại di động, tên kiểu máy iPhone 8, màn hình cảm ứng, màu vàng và 01 (một) điện thoại di động mặt sau có dòng chữ iPhone màu hồng có ốp lưng trong suốt;

- số tiền 7.916.000 (Bảy triệu, chín trăm, mười sáu nghìn đồng).

3.2 Trả lại cho bị cáo [Phạm Thanh T](#): 01 (một) căn cước công dân số 019094007530, cấp ngày 25/6/2021, họ tên: [Phạm Thanh T](#) và 01 (một) thẻ [ngân hàng B1](#) số 9704180000016963332, mang tên: PHAM THANH TUNG.

3.3 Tịch thu tiêu hủy: Thùng và giấy niêm phong đã bóc ra để kiểm tra đựng trong hộp niêm phong ký hiệu “TT4”, phong bì niêm phong ký hiệu P1, P41 bên trong có giấy niêm phong đã niêm phong trước đó.

(Tình trạng vật chứng theo như biên bản giao nhận vật chứng giữa [Công an tỉnh B](#) và Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn).

3.4 Tịch thu 01 (một) khẩu súng trường quân dụng trên quy lát ghi số 6083 bàn giao cho [Bộ chỉ huy quân sự tỉnh B](#) xử lý theo quy định.

(Tình trạng vật chứng theo như biên bản giao nhận vật chứng giữa [Công an tỉnh B](#) và [Bộ chỉ huy quân sự tỉnh B](#)).

4. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo [Phạm Thanh T](#) phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 – TANDTC;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh;
- Phòng Hồ sơ CA tỉnh;
- Phòng Hình sự CA tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- THAHS;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- Bị cáo;
- Người có QLVNLO;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Khánh Phương